TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 541/2022/DS-ST
Ngày: 08 - 11 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Nguyên

2- Bà Phạm Thị Hồng Lài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 03 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 481/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 09 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 407/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S.**

Địa chỉ: Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**, sinh năm: 1973. Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Bà **Hồ Thị Minh T**. Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm thẻ S. (Giấy ủy quyền số 1159/2020/GUQ-PL ngày 05/05/2020).

Người đại diện theo ủy quyền lại của bà Hồ Thị Minh T: Ông **Phạm Trường T.** Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ: Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 467/2021/UQ-TTT ngày 05/05/2021). (Vắng mặt và có nộp đơn xin giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Đặng Văn T**, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có ông Phạm Trường T trình bày như sau:

Ngày 29/8/2012 ông Đặng Văn T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, dùng vào mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.5%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.500.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.800.000 đồng thì ngưng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông T không có thiện chí trả nợ. Ngày 21/5/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, toàn bộ dư nợ còn thiếu là 10.516.101 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông Đặng Văn T thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 27/5/2021 là 49.017.806 đồng (Trong đó nợ gốc: 10.516.101 đồng ; lãi quá hạn: 38.501.705 đồng).

Tại phiên tòa ông Phạm Trường T vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt, nộp bổ sung bản tóm tắt sao kê, bản tự khai với nội dung là đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Đặng Văn T thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 08/11/2022 là 55.984.656 đồng (Trong đó nợ gốc: 10.516.101 đồng ; lãi quá hạn: 45.468.555 đồng)

Bị đơn – ông Đặng Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tống đạt tại địa chỉ số xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án ; Giấy triệu tập đương sự ; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đặng Văn T vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử mà không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ông Đặng Văn T vắng mặt không lý do.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác minh thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định khoản 1 Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Qua tài liệu chứng cứ mà đương sự cung cấp cho Tòa án và các chứng cứ Tòa án thu thập thì có cơ sở xác định ông Đặng Văn T có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S ngày 29/8/2012. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn - ông Đặng Văn T vắng mặt, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó, ông T phải chịu hậu quả của việc

không cung cấp chứng cứ chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 thì có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp vụ án: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Đặng Văn T, địa chỉ cư trú tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: bị đơn - ông Đặng Văn T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định là Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Đặng Văn T trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/11/2022 là 55.984.656 đồng (Bao gồm: Nợ gốc là 10.516.101 đồng, nợ lãi quá hạn: 45.468.555 đồng) và bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/11/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[5] Theo đơn đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/8/2012 ông Đặng Văn T có ghi địa chỉ thường trú tại số xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và theo phiếu trả lời xác minh của công an xã V gởi cho Tòa án có nội dung: " Đương sự Đặng Văn T, sinh năm: 1969 có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã bán nhà đi khỏi địa phương từ năm 2017 đến nay, không rõ địa chỉ chuyển đến, hiện nay tại địa chỉ xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh không có người thân của đương sự". Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao quy định địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn được xác định là cư trú tại huyện B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung là đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp

nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Tại đơn đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/8/2012 bị đơn được nguyên đơn đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ: 970403-2709 với hạn mức tín dụng 10.000.000 đồng, Theo bảng Sao kê ngày 27/5/2021 thì bị đơn có rút và kích hoạt sử dụng thẻ tín dụng nhiều lần và có thanh toán só tiền 1.800.000 đồng cho nguyên đơn thì ngưng không trả nợ. Ngày 21/5/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này số tiền nợ là 10.516.101 đồng sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 08/11/2022 thì bị đơn nợ số tiền như sau:

- Nợ gốc: 10.516.101 đồng.

- Lãi quá hạn : 45.468.555 đồng.

Tổng cộng : 55.984.656 đồng.

[8] Bị đơn không liên hệ nguyên đơn để thương lượng thỏa thuận giải quyết số nợ còn thiếu, kéo dài thời gian, trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình coi như từ bỏ quyền trình bày của mình tại phiên tòa. Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ tính đến ngày 08/11/2022 là 55.984.656 đồng (Bao gồm: Nợ gốc là 10.516.101 đồng, nợ lãi quá hạn: 45.468.555 đồng). Ngoài ra bị đơn còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/11/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[9] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 4, Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

- Buộc ông Đặng Văn T trả số tiền 55.984.656 đồng (Bao gồm: Nợ gốc là 10.516.101 đồng, nợ lãi quá hạn: 45.468.555 đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Đặng Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuân được thì thực hiện việc giao nhận tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí: Ông ĐặngVăn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.799.233 đồng (Hai triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 1.133.430 đồng (Một triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm ba mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0081019 ngày 26/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sư (6);
- TAND TP.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự cùng cấp (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ôn Kim Chi